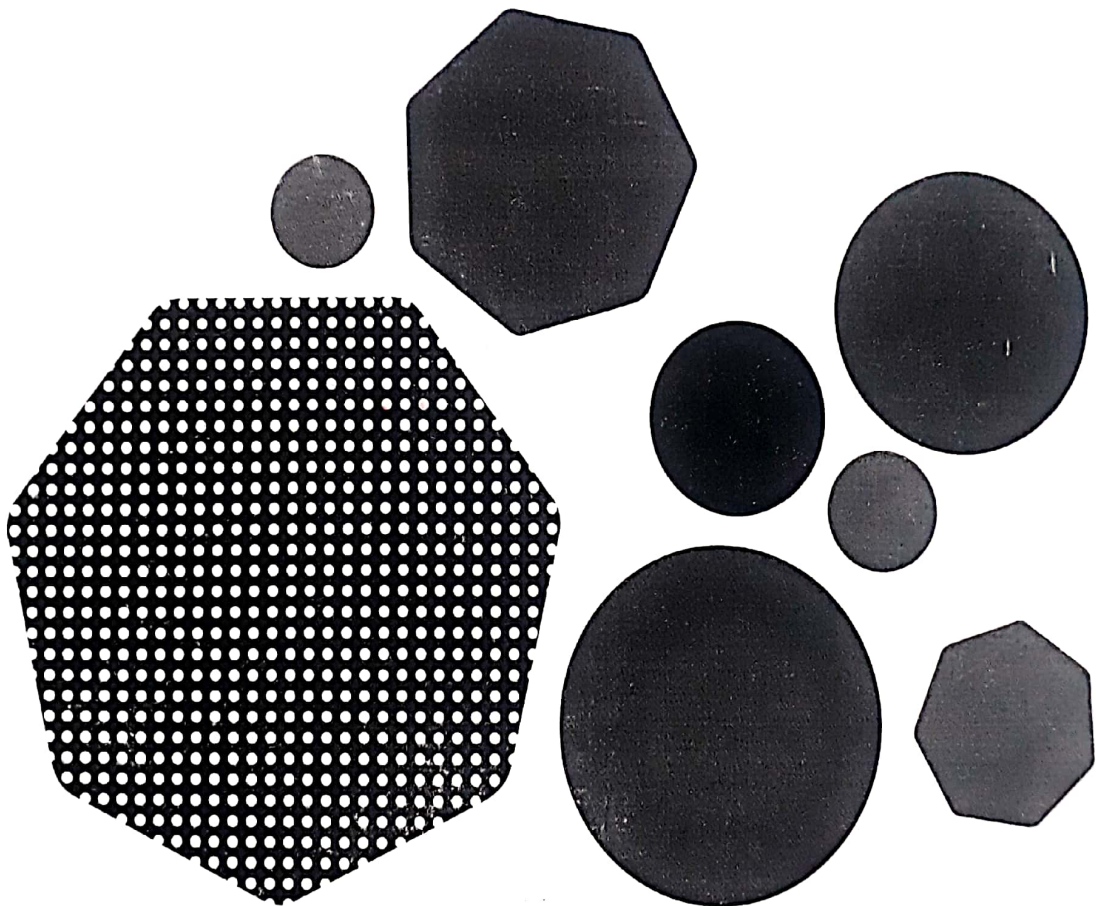


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ HOÀNG MAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018



An independent member of UHY International

Helping you prosper

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Ánh	Chủ tịch
Ông Đậu Đức Hoan	Thành viên
Ông Lương Xuân Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Thành	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành

Ông Nguyễn Duy Ánh	Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Cường	Phó Giám đốc
Ông Tạ Thanh Tùng	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Trọng Thành

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

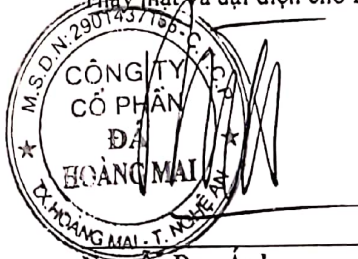
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS

NGÀY 08-06-2020

CHỦ TỊCH
UBND PHƯỜNG QUỲNH DI



Hồ Hữu Thọ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/02/2019, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần

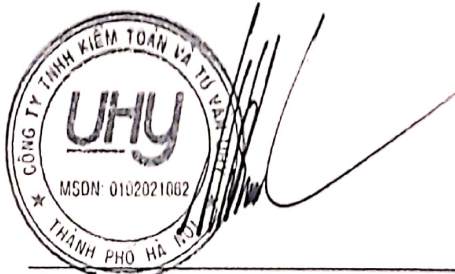
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2018, khoản "phải thu về ưu đãi cổ phần" với số tiền 565.924.523 đồng được trình bày ở khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" (mã số 136 trên Bảng cân đối kế toán). Đây là phần chênh lệch còn lại sau khi bù trừ giữa giá trị ưu đãi do phát hành cổ phiếu thấp hơn mệnh giá cho một số cổ đông là cán bộ công nhân viên với khoản kinh phí cổ phần hóa được Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (Công ty mẹ) hỗ trợ, số tiền 607.030.477 đồng. Điều này đã làm cho tổng Tài sản và tổng Nguồn vốn của Công ty cùng tăng lên số tiền 565.924.523 đồng.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



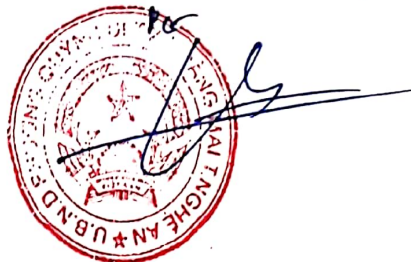
Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Phạm Thị Thảo
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2018-112-1

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**
Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/ES

NGÀY 08-06-2020

**CHỦ TỊCH
UBND PHƯỜNG QUỲNH DỊ**



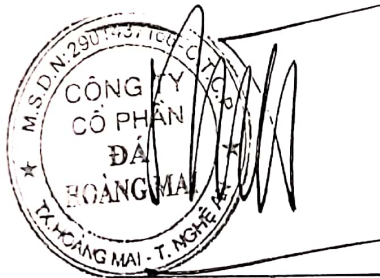
Hồ Hữu Thọ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.252.296.572	39.727.371.439
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	190.660.751	122.572.577
Tiền	111		190.660.751	122.572.577
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.442.654.886	16.297.451.623
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	23.298.770.513	15.402.087.516
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		376.594.111	56.278.207
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	767.290.262	839.085.900
Hàng tồn kho	140	9	12.618.980.935	23.307.347.239
Hàng tồn kho	141		12.618.980.935	23.307.347.239
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.332.210.883	20.041.831.372
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.093.927.879	911.587.268
Phải thu dài hạn khác	216	8	1.093.927.879	911.587.268
Tài sản cố định	220		16.166.664.567	18.948.408.280
Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.166.664.567	18.948.408.280
- Nguyên giá	222		35.064.552.916	35.598.971.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.897.888.349)	(16.650.563.184)
Tài sản dài hạn khác	260		71.618.437	181.835.824
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	71.618.437	181.835.824
TỔNG TÀI SẢN	270		54.584.507.455	59.769.202.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		14.626.241.825	20.921.448.578
Nợ ngắn hạn	310		14.546.241.825	20.841.448.578
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	6.112.002.492	3.984.248.315
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		325.949.296	8.886.096.246
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.205.181.779	1.041.263.531
Phải trả người lao động	314		1.658.030.503	1.789.939.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	5.380.892	5.300.365
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	837.372.953	929.060.660
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	4.362.885.115	4.184.516.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.438.795	21.023.373
Nợ dài hạn	330		80.000.000	80.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	14	80.000.000	80.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.958.265.630	38.847.754.233
Vốn chủ sở hữu	410	16	39.958.265.630	38.847.754.233
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.124.440.000	38.124.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.124.440.000	38.124.440.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.833.825.630	723.314.233
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.833.825.630	723.314.233
TỔNG NGUỒN VỐN	440		54.584.507.455	59.769.202.811



Nguyễn Duy Ánh
 Giám đốc
 Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực... Kế toán trưởng... SCT/BS
 NGÀY 08-06-2020

(Handwritten signature)

Nguyễn Trọng Thành
 Người lập

(Handwritten signature)

CHỦ TỊCH
UBND PHƯỜNG QUỲNH DI



Hồ Hữu Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	63.278.478.735	44.216.439.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.278.478.735	44.216.439.807
Giá vốn hàng bán	11	18	56.045.165.444	39.706.416.873
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.233.313.291	4.510.022.934
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	27.529.639	27.942.866
Chi phí tài chính	22	20	294.018.824	180.254.880
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		294.018.824	180.254.880
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	4.716.360.250	3.335.998.509
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.250.463.856	1.021.712.411
Thu nhập khác	31	23	41.818.181	112.209.675
Chi phí khác	32		-	212.061.103
Lợi nhuận khác	40		41.818.181	(99.851.428)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.292.282.037	921.860.983
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	458.456.407	198.546.750
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.833.825.630	723.314.233
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	481	190



Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Nguyễn Trọng Thành
Ký tên số SCT/BS
Kế toán trưởng

NGÀY 08-06-2020

CHỦ TỊCH
UBND PHƯỜNG QUỲNH DI



Hồ Hữu Thọ

Nguyễn Trọng Thành
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.292.282.037	921.860.983
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.781.743.713	2.860.742.070
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(27.529.639)	1.427.285
Chi phí lãi vay	06	294.018.824	180.254.880
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.340.514.935	3.964.285.218
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.496.065.566)	2.296.337.116
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.688.366.304	(7.418.154.494)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.799.106.485)	1.330.315.201
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	110.217.387	(8.552.258)
Tiền lãi vay đã trả	14	(293.938.297)	(180.254.880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(449.816.152)	(420.667.142)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	156.703.511	58.344.333
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(53.916.000)	(77.976.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	202.959.637	(456.323.027)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(2.628.090.909)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	11.818.181	111.818.182
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.529.639	27.942.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	39.347.820	(2.488.329.861)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	8.462.885.115	8.298.493.300
Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.284.516.800)	(5.613.976.500)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(352.587.598)	(145.782.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(174.219.283)	2.538.734.758
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	68.088.174	(405.918.130)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	122.572.577	528.490.707
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	190.660.751	122.572.577



Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2019

Hồ Hữu Thọ
Nguyễn Trọng Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thành
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xi nghiệp Đá Hoàng Mai trực thuộc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt, được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901437166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu ngày 29/7/2015, mã số doanh nghiệp là 2901437166, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 18/07/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 38.124.440.000 đồng (Ba mươi tám tỷ, một trăm hai mươi tư triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Công ty có trụ sở tại Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đúc sắt, thép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thiết kế xây dựng công trình giao thông, giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình cầu và đường sắt, cầu và đường bộ, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình);
- Phá dỡ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với số liệu trong Báo cáo tài chính năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 74 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 90 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm Báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình.

Giá trị xây lắp dở dang được xác định mang tính ước tính cao và có thể thay đổi trong từng thời kỳ tùy thuộc vào chính sách của Công ty.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	3

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại công cụ, dụng cụ bao gồm các loại công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu xây dựng được xác định khi công trình đã hoàn thành, có quyết toán, bàn giao cho khách hàng và khách hàng chấp nhận thanh toán. Đối với những công trình có nhiều hạng mục và được nghiệm thu từng phần, doanh thu được ghi nhận cho từng hạng mục (hoặc phần công việc) đã hoàn thành trên cơ sở Biên bản nghiệm thu khối lượng có xác nhận của chủ đầu tư.

Đối với các công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành và có Biên bản nghiệm thu xác nhận A - B nhưng chưa được thanh toán và Công ty chưa tập hợp được đầy đủ các chi phí liên quan để đảm bảo nguyên tắc phù hợp thì doanh thu chưa được ghi nhận.

Công ty áp dụng phương pháp tính giá vốn công trình xây lắp theo Thông báo số 1378/TB/CTĐS ngày 04/12/2009 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt. Theo đó, giá vốn lũy kế của các công trình xây lắp được xác định bằng tỷ lệ doanh thu thuần lũy kế trên tổng giá trị sản lượng công trình hoàn thành lũy kế kể từ thời điểm bắt đầu khởi công công trình cho tới thời điểm kết thúc năm tài chính (kỳ kế toán) nhân với tổng chi phí lũy kế phát sinh ở mỗi công trình. Giá vốn công trình xây lắp ghi nhận trong năm bằng giá vốn lũy kế xác định theo phương pháp trên trừ đi tổng giá vốn đã ghi nhận đến thời điểm trước năm (kỳ) hiện hành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

4.9 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai là Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt và các Công ty con thuộc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.842.795	3.443.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	184.817.956	119.128.965
	190.660.751	122.572.577

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.298.770.513	15.402.087.516
- Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	1.268.704.800	573.210.000
- Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	1.443.862.089	-
- Công ty Quản lý đường sắt Hà Ninh	1.347.957.265	622.534.665
- Công ty Quản lý đường sắt Nghệ Tĩnh	2.308.972.700	3.740.962.800
- Công ty Quản lý đường sắt Thanh Hóa	3.344.271.400	2.867.427.343
- Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình	1.757.431.500	534.958.600
- Công ty Cổ phần đường sắt Yên Lào	1.216.354.859	583.967.093
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Hải Hưng	5.262.180.000	-
- Công ty Cổ phần Công trình 792	13.110.800	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.335.925.100	6.479.027.015
	23.298.770.513	15.402.087.516
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.456.972.889	-
- Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	1.443.862.089	-
- Công ty Cổ phần Công trình 792	13.110.800	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn	71.618.437	181.835.824
- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	58.977.270	162.356.824
- Chi phí cấp phép khai thác mỏ Minh Cẩm	-	5.000.000
- Các khoản khác	12.641.167	14.479.000
	71.618.437	181.835.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	767.290.262	-	839.085.900	-
- Phải thu người lao động ưu đãi mua cổ phần	565.924.523	-	565.924.523	-
- Tạm ứng	43.841.062	-	115.636.700	-
- Phải thu khác	157.524.677	-	157.524.677	-
Dài hạn	1.093.927.879	-	911.587.268	-
- Ký cược, ký quỹ	1.093.927.879	-	911.587.268	-
	1.861.218.141	-	1.750.673.168	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.666.376.823	-	4.326.530.234	-
- Công cụ, dụng cụ	14.827.982	-	19.309.457	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	433.625.762	-	7.356.420.931	-
- Thành phẩm	9.504.150.368	-	11.605.086.617	-
	12.618.980.935	-	23.307.347.239	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đựng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
01/01/2018	10.496.974.497	20.555.256.253	4.506.831.623	39.909.091	35.598.971.464
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(72.826.048)	(461.592.500)	-	(534.418.548)
31/12/2018	10.496.974.497	20.482.430.205	4.045.239.123	39.909.091	35.064.552.916
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2018	2.214.831.519	11.872.732.383	2.530.164.010	32.835.272	16.650.563.184
- Khấu hao trong năm	671.802.324	1.699.789.206	403.086.364	7.065.819	2.781.743.713
- Thanh lý, nhượng bán	-	(72.826.048)	(461.592.500)	-	(534.418.548)
31/12/2018	2.886.633.843	13.499.695.541	2.471.657.874	39.901.091	18.897.888.349
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	8.282.142.978	8.682.523.870	1.976.667.613	7.073.819	18.948.408.280
31/12/2018	7.610.340.654	6.982.734.664	1.573.581.249	8.000	16.166.664.567

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.421.382.063 đồng
 Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.845.628.376 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6.112.002.492	6.112.002.492	3.984.248.315	3.984.248.315
- Công ty CP Dương Long Loan	485.478.950	485.478.950	621.974.150	621.974.150
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	3.190.392.276	3.190.392.276	1.724.372.430	1.724.372.430
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và dịch vụ tổng hợp	1.629.610.890	1.629.610.890	-	-
- Các đối tượng khác	806.520.376	806.520.376	1.637.901.735	1.637.901.735
	6.112.002.492	6.112.002.492	3.984.248.315	3.984.248.315
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.629.610.890	1.629.610.890	266.073.700	266.073.700
- Công ty CP Công trình 792	-	-	222.403.700	222.403.700
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và dịch vụ tổng hợp	1.629.610.890	1.629.610.890	-	-
- Công ty CP Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	-	-	43.670.000	43.670.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DÁ HOÀNG MAI
 Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	217.871.392	3.043.520.732	3.174.580.009	86.812.115
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.159.613	458.456.407	449.816.152	97.799.868
- Thuế tài nguyên	118.458.294	1.180.965.057	1.071.506.312	227.917.039
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	551.557.000	2.306.517.500	2.156.517.500	701.557.000
- Các loại thuế khác	7.289.042	26.479.299	29.820.160	3.948.181
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	56.928.190	458.264.647	428.045.261	87.147.576
	1.041.263.531	7.474.203.642	7.310.285.394	1.205.181.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	5.380.892	5.300.365
	<u>5.380.892</u>	<u>5.300.365</u>

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	837.372.953	929.060.660
- Kinh phí công đoàn	84.278.760	47.102.544
- Bảo hiểm xã hội	98.721.737	210.230.326
- Quỹ tìm kiếm việc làm	973.215	45.973.215
- Thù lao HĐQT và BKS	312.168.000	89.743.800
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	341.231.241	536.010.775
Dài hạn	80.000.000	80.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	80.000.000	80.000.000
	<u>917.372.953</u>	<u>1.009.060.660</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	12/31/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
	4.362.885.115	4.362.885.115	8.462.885.115	4.184.516.800
	4.362.885.115	4.362.885.115	8.462.885.115	4.184.516.800
	4.362.885.115	4.362.885.115	8.462.885.115	4.184.516.800

Vay ngắn hạn

- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phù Diễn

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phù Diễn theo:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2018/6702337/HĐTD ngày 21/08/2018 số tiền vay: 1.362.885.115 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất: 7,4%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực hợp đồng vay. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 05/2018/6702337/HĐTD ngày 31/08/2018 số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua xi măng, sắt thép, xăng dầu, phụ da. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất 7,4%/năm cố định trong thời gian hiệu lực hợp đồng vay. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2018/6702337/HĐTD ngày 30/09/2018 số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua 01 bộ thiết bị lắp đặt ray và các phụ kiện kèm theo. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất 7,4%/năm cố định trong thời gian hiệu lực hợp đồng vay. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo của hợp đồng tín dụng số 04,05,06/2018/6702337/HĐTD là: 6.398.000.000 đồng bao gồm các hợp đồng bảo đảm:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6702337/HĐBĐ ngày 06/02/2015 và được định giá lại ngày 26/02/2018 số tiền: 813.000.000 đồng;
2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6702337/HĐBĐ ngày 20/05/2015 và được định giá lại ngày 12/07/2018 số tiền: 690.000.000 đồng;
3. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 06/2015/6702337/HĐBĐ ngày 19/10/2015 và được định giá lại ngày 05/09/2017 số tiền: 2.802.000.000 đồng;
4. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6702337/HĐBĐ ngày 14/09/2017 và được định giá ngày 12/09/2017 số tiền: 2.093.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 07/2018/6702337/HĐTD ngày 31/10/2018 số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng thép các loại. Thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất 7,4%/năm cố định trong thời gian hiệu lực hợp đồng vay. Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo của hợp đồng tín dụng số 047/2018/6702337/HĐTD là: 6.273.000.000 đồng bao gồm các hợp đồng bảo đảm:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/6702337/HĐBĐ ngày 06/02/2015 và được định giá lại ngày 26/02/2018 số tiền: 813.000.000 đồng;
2. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/6702337/HĐBĐ ngày 20/05/2015 và được định giá lại ngày 12/07/2018 số tiền: 690.000.000 đồng;
3. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 06/2015/6702337/HĐBĐ ngày 19/10/2015 và được định giá lại ngày 05/09/2017 số tiền: 2.802.000.000 đồng;
4. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/6702337/HĐBĐ ngày 14/09/2017 và được định giá ngày 24/09/2018 số tiền: 1.968.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2017	38.124.440.000	1.264.244.254	39.388.684.254
- Lãi trong năm	-	723.314.233	723.314.233
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	(1.264.244.254)	(1.264.244.254)
31/12/2017	38.124.440.000	723.314.233	38.847.754.233
01/01/2018	38.124.440.000	723.314.233	38.847.754.233
- Lãi trong năm nay	-	1.833.825.630	1.833.825.630
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(72.331.422)	(72.331.422)
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	(650.982.811)	(650.982.811)
31/12/2018	38.124.440.000	1.833.825.630	39.958.265.630

16.2 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2901437166, thay đổi lần thứ năm ngày 18/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 38.124.440.000 đồng, chia thành 3.812.444 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết các cổ đông góp vốn và số vốn đã góp như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	33.500.000.000	33.500.000.000
Các cổ đông khác	4.624.440.000	4.624.440.000
	38.124.440.000	38.124.440.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	63.278.478.735	44.216.439.807
Doanh thu xây lắp	8.659.299.999	-
Doanh thu sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	54.619.178.736	44.216.439.807
	<u>63.278.478.735</u>	<u>44.216.439.807</u>
Doanh thu với các bên liên quan	8.659.299.999	-
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	8.659.299.999	-

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn xây lắp	7.031.931.895	-
Giá vốn sản xuất công nghiệp và dịch vụ khác	49.013.233.549	39.706.416.873
	<u>56.045.165.444</u>	<u>39.706.416.873</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.529.639	27.942.866
	<u>27.529.639</u>	<u>27.942.866</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	294.018.824	180.254.880
	<u>294.018.824</u>	<u>180.254.880</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.289.448.458	1.963.286.254
Chi phí vật liệu	110.487.403	89.497.511
Chi phí khấu hao TSCĐ	615.226.783	435.351.251
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.157.458.214	357.857.623
Chi phí bằng tiền khác	540.739.392	483.205.870
	<u>4.716.360.250</u>	<u>3.335.998.509</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.661.422.022	17.638.707.951
Chi phí nhân công	7.427.833.103	9.064.136.256
Chi phí máy thi công	3.198.663.161	7.307.883.565
Khấu hao tài sản cố định	2.781.743.713	435.351.251
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.180.717.084	14.298.771.630
Chi phí bằng tiền khác	588.945.192	879.126.954
	53.842.324.275	49.630.777.607

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11.818.181	112.209.675
- Cho thuê kho chứa	30.000.000	-
	41.818.181	112.209.675

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.292.282.037	921.860.983
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	70.872.770
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.292.282.037	992.733.753
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	458.456.407	198.546.751
Dự phòng thuế (thừa)/thiếu của năm trước	-	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	458.456.407	198.546.750

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.833.825.630	723.314.233
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	3.812.444	3.812.444
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	481	190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. BÊN LIÊN QUAN

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Quan hệ với BLQ	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt		
Bán hàng cung cấp dịch vụ	8.659.299.999	-
Mua vật tư, hàng hóa	157.118.000	-

SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	1.443.862.089	-
Công ty Cổ phần Công trình 792	13.110.800	-
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	-	7.765.518.911
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần công trình 791	3.300.000	3.300.000
Phải trả người bán		
Công ty CP công trình 792	-	222.403.700
Công ty CP Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	-	43.670.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Duy Ánh
Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 02 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VÀNG

Số chứng thực... SCT/BS

NGÀY 08-06-2020

CHỦ TỊCH

UBND PHƯỜNG QUỲNH THIỆN



Hồ Hữu Thọ

Nguyễn Trọng Thành
Người lập